

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ JÚT
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/DS-ST

Ngày 15-11-2023

“V/v Tranh chấp hợp đồng vay
tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ JÚT**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lộc Thị Vinh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Hòa.
2. Bà Nguyễn Thị Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Trung - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trâm – Kiểm sát viên.

Ngày 15/11/2023 tại Phòng xử án Dân sự Tòa án nhân dân huyện Cư Jút xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2023/TLST-DS ngày 13/02/2023 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2023/QĐXXST-DS ngày 26/10/2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1968.

Trú tại: Buôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện theo ủy quyền: Ông Hồ Ngọc D

Địa chỉ: Số B đường N, thị trấn E, huyện C, tỉnh Đắk Nông (Hợp đồng ủy quyền ngày 25/11/2022).

- *Bị đơn:* 1. Bà Đỗ Thị H, sinh năm: 1969

2. Ông Bùi Văn Q, sinh năm: 1986.

Cùng địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Hồ Ngọc D trình bày: Do quen biết nhau và có quan hệ vay mượn từ lâu nên bà Hoàng Thị T có cho bà Đỗ Thị H và con gái bà H là Phạm Thị H1 vay tiền rất nhiều lần. Đến ngày 17/5/2019 Âm lịch (Nhằm ngày 19/6/2019 Dương lịch) tại nhà bà Hoàng Thị T, địa chỉ: Buôn A, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông bà Phạm Thị H1 đã viết giấy chốt lại tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, cụ thể: nợ gốc 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng) và tiền lãi là 29.000.000 đồng; các bên không thỏa thuận lãi suất và thời điểm trả; chỉ thỏa thuận miệng với nhau là khi bà T cần tiền sẽ báo trước cho bà

H, H1 05 ngày. Đến năm 2021, sau nhiều lần đòi nợ thì bà H, ba H1 chỉ trả được 80.000.000 đồng vào 02 đợt: Ngày 24/6/2021 trả 50.000.000 đồng; Ngày 03/7/2021 Âm lịch trả 30.000.000 đồng; sau đó không trả thêm được đồng nào nữa.

Vì bà Phạm Thị H1 đã chết vào năm 2022, ông Bùi Văn Q là chồng của bà H1, kế thừa tài sản của bà H1 (Tiền Hợp đồng bảo hiểm, tiền ủng hộ của các mạnh thường quân..) nên bà Hoàng Thị T và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn Q phải trả 78 triệu đồng tiền gốc và 29 triệu đồng tiền lãi theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2019.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu đòi với số tiền lãi 7.104.000 đồng lãi suất chậm trả tính từ ngày khởi kiện 02/02/2023.

Bị đơn bà Đỗ Thị H trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 17/3/2023 và tại phiên tòa: Bà H có vay bà T tiền làm nhiều lần, mỗi lần 02 triệu, 05 triệu, 10 triệu, 20 triệu; vay nhiều lần từ khoảng năm 2009 đến năm 2015. Khi vay các bên thỏa thuận lãi là 40%/ tháng; trả gốc và lãi sau 06 tháng một lần. Khi vay các bên chỉ viết vào sổ của bà T, không viết lãi, sổ do bà T cầm. Nội dung vay do bà T viết, có khi do bà H viết, viết tại nhà bà T. Bà H không nhớ trả được bao nhiêu gốc bao nhiêu lãi, chỉ nhớ đến 2019 cộng cả gốc lẫn lãi là 158.000.000 đồng. Bà H thừa nhận: Có khoản nợ 158.000.000 đồng như nội dung vay, tuy nhiên khoản nợ này không hoàn toàn là tiền gốc mà hai bên đã thỏa thuận cộng lãi vào gốc. Bà H thừa nhận có ký tên H phía dưới nội dung vay. Phần ghi nội dung và phần chữ ký dạng chữ viết trong Giấy chốt nợ bà không nhớ do ai viết, không nhớ có phải do con bà là Phạm Thị H1 viết hay không. Bà H đã trả được 130 triệu đồng, chỉ còn nợ bà T 28 triệu đồng, cụ thể: Năm 2021 trả 50.000.000 đồng, năm 2022 trả được 80.000.000 đồng. Khi trả nợ không có viết giấy hay ký nhận gì cũng không có ai làm chứng.

Bà H xác định chỉ còn nợ bà Hoàng Thị T 28.000.000 đồng (Hai mươi tám triệu đồng) cả gốc và lãi và sẽ trả khi có tiền.

Bị đơn ông Bùi Văn Q trình bày tại Biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2023 và tại phiên tòa: Ông Bùi Văn Q là chồng của bà Phạm Thị H1; bà Đỗ Thị H là mẹ vợ của ông Q, còn bà Hoàng Thị T chỉ là hàng xóm chứ không có quan hệ gì khác. Ông Q lấy vợ năm 2014 tuy nhiên ông đã ở cùng nhà với vợ và mẹ vợ của từ năm 2009 nên biết việc mẹ và vợ phải đi vay tiền bà T những lúc khó khăn để chi tiêu trong gia đình. Bản thân ông Q cũng đã được nhận tiền vay của bà T nhiều lần, mỗi lần đều từ 05 triệu trở xuống và không phải ký nhận nợ lần nào. Ông Q thừa nhận năm 2019 được nghe vợ và mẹ vợ nói lại: có chốt nợ với bà T với số nợ gốc 158.000.000 đồng.

Ông Q được biết khi vay các bên thỏa thuận lãi là 40.000đ/01 triệu/ tháng; trả gốc và lãi 06 tháng hay 07 tháng sẽ trả 01 lần; tháng 12 đến tháng 02 năm sau sẽ trả theo đợt nữa. Còn viết giấy hay không thì không được biết, ông Q chỉ nghe mẹ và vợ nói lại có vay tiền.

Nhà ông Q đã trả được 130.000.000 đồng (Một trăm ba mươi triệu) vào 03 đợt, cụ thể: Khoảng tháng 6/2021 trả được 50.000.000 đồng; khoảng tháng 7/2022 trả được 50.000.000 đồng; khoảng tháng 9/ 2022 trả được 30.000.000 đồng.

Vợ ông Q (Bà Phạm Thị H1) đã mất năm 2022, tiền vợ ông vay của bà T về ông có được đi nhận, có được cùng sử dụng nên ông Q khẳng định sẽ có trách nhiệm trả đối với số nợ của bà T.

Ông Q thừa nhận có nghĩa vụ cùng bà Đỗ Thị H trả tiền còn nợ cho bà T, ông chỉ không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà T về số tiền khởi kiện là 107.000.000 đồng và lãi suất chậm trả theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2019 Âm lịch, Ông Q xác định gia đình ông đã trả 130.000.000đ này là trả tiền tiền gốc, chỉ còn nợ 28.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án không hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Jút phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (Sau đây viết tắt là HĐXX), sự tuân theo pháp luật của những người tham gia tố tụng cũng như nội dung vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký từ khi thụ lý vụ án và của HĐXX tại phiên tòa đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn đã nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn, buộc bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn Q phải trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 107.000.000 đồng. Đình chỉ yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn đối với yêu cầu tính lãi suất của nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

- Thẩm quyền và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bà Hoàng Thị T khởi kiện yêu cầu bà Đỗ Thị H; ông Bùi Văn Q có địa chỉ: Thôn M, xã Đ, huyện C, tỉnh Đắk Nông trả số tiền 107.000.000 đồng đã vay. Vì vậy, quan hệ pháp luật là “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cư Jút theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về căn cứ mở phiên tòa: Tòa án đã mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải để các bên có thể hòa giải với nhau để giải quyết toàn bộ nội dung của việc khởi kiện nhưng các đương sự không thỏa thuận được với nhau nên vụ án không hòa giải được và được đưa ra xét xử theo quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung:

Xét ý kiến của bà Đỗ Thị H cho rằng chữ ký trong Giấy vay tiền ngày 17/5/2019 Âm lịch mà nguyên đơn cung cấp cho Tòa án không phải là chữ ký của

bà Phạm Thị H1. Tòa án đã giải thích và giao Thông báo nộp tiền chi phí tố tụng cho bà Hợp đi giám định chữ ký, chữ viết. Ngày 15/8/2023 tại Kết luận giám định số: 308/KL-KTHS của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đắk Nông đã kết luận: Toàn bộ phần nội dung giấy vay tiền ký dạng chữ viết trong Giấy vay tiền ngày 17/5/2019 Âm lịch là do bà Phạm Thị H1 viết ra. Bà Đỗ Thị H đã nhận được Kết luận giám định. Mặt khác, bà H thừa nhận bà có ký vào bên vay trong Giấy vay tiền ngày 17/5/2019 Âm lịch. Như vậy, hợp đồng vay tài sản giữa bà Hoàng Thị T với bà Đỗ Thị H và Phạm Thị H1 là hoàn toàn có thật, được thể hiện qua Giấy vay tiền bản gốc có chữ ký của bà H, bà H1 mà nguyên đơn đã cung cấp cho Tòa án.

Xét nội dung giấy vay tiền: Giấy vay tiền ngày 17/5/2019 Âm lịch có nội dung: chót nợ gốc tiền nợ gốc và tiền nợ lãi, cụ thể: 158.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tám triệu đồng) tiền gốc và tiền lãi là 29.000.000 đồng; các bên không thỏa thuận lãi suất và thời điểm trả; điều này HĐXX có căn cứ khẳng định giữa bà T với bà H, bà H1 có quan hệ vay mượn nhiều lần, xác định Giấy vay tiền 17/5/2019 Âm lịch là hợp đồng vay tài sản có không có thời hạn, không có lãi; thỏa thuận giữa các bên hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội phù hợp với quy định của pháp luật.

Tại Điều 463 của Bộ luật dân sự quy định:

“ Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định ”

Tại khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 469: Thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn

1. Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau một thời gian hợp lý, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

2. ”

Tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật dân sự quy định:

“Điều 466. Nghĩa vụ trả nợ của bên vay

1. Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác”

2..... ”.

Tuy trong Giấy vay tiền ngày 17/5/2019 Âm lịch không có chữ ký xác nhận nợ của ông Bùi Văn Q nhưng ông Q có biết, có sử dụng số tiền vay và nhận nghĩa vụ trả tiền đối với khoản vay này nên xác định ông Bùi Văn Q là bị đơn của vụ án.

Bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn Q đều cho rằng bà H đã trả cho bà T được 130.000.000 đồng tiền gốc nhưng không có bất cứ tài liệu chứng cứ gì chứng minh cho lời khai của mình là có căn cứ nên HĐXX không chấp nhận.

Từ những phân tích nêu trên, HĐXX có đủ căn cứ buộc bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn Q phải trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 107.000.000 đồng, trong đó: 78

triệu đồng tiền gốc và 29 triệu đồng tiền lãi theo Giấy vay tiền ngày 17/5/2019. Vì là nghĩa vụ chung, liên đới nên cần phải chia theo phần; cụ thể:

- Bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 14.500.000 đồng tiền lãi;

- Ông Bùi Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 14.500.000 đồng tiền lãi;

Xét: Việc rút yêu cầu tính lãi 7.104.000 đồng (Bảy triệu, một trăm linh bốn nghìn đồng) lãi suất chậm trả tính từ ngày khởi kiện 02/02/2023 của nguyên đơn là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, HĐXX đình chỉ xét xử đối với yêu cầu tính lãi chậm trả này.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng) là: $107.000.000 \text{ đ} \times 5\% = 5.350.000 \text{ đ}$ (Năm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng).

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả nguyên đơn số tiền 2.675.000 (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000137 ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị H là người yêu cầu Tòa án trưng cầu giám định chữ ký của bà Phạm Thị H1 vì cho rằng chữ ký trong Giấy vay tiền không phải của bà H1; mà kết luận giám định đã khẳng định toàn bộ chữ viết trong phần nội dung và chữ ký dạng chữ viết trong Giấy vay tiền đều do bà H1 viết. Như vậy, yêu cầu của bà H là không có căn cứ nên bà H phải nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết theo quy định tại Điều 161 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng), bà H đã nộp đủ theo Phiếu thu ngày 28/3/2023.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 161; Điều 235; Điều 244; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 463, Điều 466, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị T.

Buộc bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 107.000.000 đồng (Một trăm lẻ bảy triệu đồng), trong đó: 78.000.000 đồng tiền gốc và 29.000.000 đồng tiền lãi. Cụ thể:

- Bà Đỗ Thị H có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 14.500.000 đồng tiền lãi;

- Ông Bùi Văn Q có nghĩa vụ trả cho bà Hoàng Thị T số tiền 53.500.000 đồng (Năm mươi ba triệu, năm trăm nghìn đồng), trong đó: 39.000.000 đồng tiền gốc và 14.500.000 đồng tiền lãi.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật bà Đỗ Thị H và ông Bùi Văn Q không thực hiện nghĩa vụ trả tiền, bà Hoàng Thị T có quyền yêu cầu thi hành án. Từ khi có đơn yêu cầu thi hành án thì áp dụng khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 để tính lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền.

2. Đình chỉ xét xử đối với số tiền 7.104.000 đồng (Bảy triệu, một trăm linh bốn nghìn đồng) lãi suất chậm trả tính từ ngày khởi kiện 02/02/2023 của nguyên đơn.

3. Về án phí:

- Buộc bà Đỗ Thị H phải nộp phải 2.675.000 (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Buộc ông Bùi Văn Q phải nộp phải 2.675.000 (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

- Hoàn trả nguyên đơn số tiền 2.675.000 (Hai triệu, sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số 0000137 ngày 13/02/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cư Jút.

4. Về chi phí tố tụng: Bà Đỗ Thị H phải nộp chi phí giám định chữ ký, chữ viết là 8.000.000 đồng, bà H đã nộp đủ theo Phiếu thu ngày 28/3/2023

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Cư Jút;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Lộc Thị Vinh